TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2026
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Cẩm Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lâm và bà Nguyễn Thị Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 306/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48 /2025/QĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/8/1988; Căn cước công dân số: 030188000367; cấp ngày 05/11/2025; địa chỉ : Thôn Bùi T, xã Yết K, thành phố Hải Phòng. Hiện đang cư trú tại Đài Loan.

- Bị đơn: Anh Đinh Văn Q, sinh ngày 14/8/1982; Chứng minh nhân dân số: 030082000778; Cấp ngày 14/10/2015; Nơi ĐKHKTT : Thôn Bùi T, xã Yết K, thành phố Hải Phòng. Hiện đang cư trú tại Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị M, sinh ngày 01/01/1947; Căn cước công dân số: 030147005111; Cấp ngày 09/8/2021; địa chỉ: Thôn Bùi T, xã Yết K, thành phố Hải Phòng.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị Tuyết, anh Quý, bà Mý)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Đinh Văn Q tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc cũ nay là xã Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng vào ngày 14/10/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà chồng, đến năm 2017 anh Quý đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, do vợ chồng không tin tưởng nhau

nên năm 2020 chị đi sang Đài Loan cùng anh nhưng vợ chồng sống mỗi người một nơi, cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau, không quan tâm đến nhau. Ngày 01/11/2025 chị về nước và làm đơn xin ly hôn anh, trước khi làm đơn xin ly hôn chị đã thông báo cho anh Quý biết, anh Quý đồng ý nhưng anh không về được vì anh đang đi lao động bất hợp pháp tại Đài Loan, hiện anh không có địa chỉ cụ thể nào, chị và gia đình anh Quý cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh Quý, anh chỉ liên lạc về nhà qua mạng điện thoại. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, hôn nhân không còn hạnh phúc, chị làm đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quý.

Về con chung: Chị và anh Quý có hai con chung là Đinh Gia L, sinh ngày 26/8/2011 và Đinh Gia B, sinh ngày 11/11/2014. Hiện nay cả hai con đang ở với bà nội là bà Phạm Thị M. Khi ly hôn theo nguyện vọng của hai con và anh Quý, chị để anh Quý nuôi hai con và chị đồng ý anh Quý ủy quyền cho bà Phạm Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 con của anh chị trong thời gian anh Quý không ở Việt Nam. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi một con Đinh Gia B với số tiền là 3.000.000 đồng/ 1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi Tòa án xét xử đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị xác định không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Phạm Thị M là mẹ đẻ anh Quý xác định: Anh Quý và chị Tuyết kết hôn là tự nguyện, sau khi kết hôn được một thời gian, chị Tuyết và anh Quý đều đi lao động tại Đài Loan nhưng mỗi người một nơi, trong quá trình sống chung, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhưng không có biện pháp cải thiện cuộc sống vợ chồng. Ngày 01/11/2025 chị Tuyết về nước và làm đơn xin ly hôn anh Quý. Hiện anh Quý vẫn đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nhưng do anh Quý đi lao động tự do bất hợp pháp nên không có địa chỉ cụ thể, anh vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình cho bà. Mọi thông tin về việc chị Tuyết khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, bà đã thông báo cho anh Quý. Sau khi được gia đình thông báo, anh Quý không có văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên qua liên lạc điện thoại với bà, anh Quý có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con theo yêu cầu của chị Tuyết, anh nhất trí ly hôn và đề nghị được nuôi hai con là Đinh Gia L và Đinh Gia B anh không yêu cầu chị Tuyết cấp dưỡng nuôi con. Anh Quý ủy quyền cho bà trong việc chăm sóc nuôi dưỡng hai con của anh Quý trong thời gian anh không ở Việt Nam, bà đồng ý và bà không yêu cầu anh Quý, chị Tuyết phải trách nhiệm gì khi bà chăm sóc con chung của anh chị.

Về tài sản chung: Gia đình anh Quý xác định anh chị không có.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân xã Yết Kiêu thể hiện: Chị Tuyết và anh Quý có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lê Lợi cũ nay là xã Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng vào ngày 14/10/2010, sau khi kết hôn anh chị sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2017 anh đi lao động Đài Loan sau đó chị Tuyết cũng sang Đài Loan cùng chồng, thời gian gần đây chị Tuyết có về nước chơi vài ngày sau đó lại đi, anh Quý hiện vẫn ở Đài Loan. Do anh chị không có mặt tại đia phương nên mâu thuẫn vợ chồng anh chị thế nào địa phương không nắm được. Nay chị Tuyết có đơn xin ly hôn anh Quý, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giải quyết việc nuôi con cho đảm bảo cuộc sống của các cháu.

Tại phiên tòa chị Tuyết, bà Mý vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh Quý đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đinh Văn Q. Về con chung: Giao hai con chung Đinh Gia L, sinh ngày 26/8/2011 và Đinh Gia B, sinh ngày 11/11/2014 cho anh Quý nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Quý không ở Việt Nam tạm giao hai con của anh Quý cho bà Phạm Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tuyết cấp dưỡng nuôi con Đinh Gia B hàng tháng với số tiền là 3.000.000 đồng/ 1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2026 đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi. Anh Quý không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con Đinh Gia L. Về án phí: chị Tuyết phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Đinh Văn Q đều có hộ khẩu thường trú tại xã Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Theo văn bản trả lời của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng xác định anh Đinh Văn Q đã xuất cảnh gần đây nhất ngày 16/02/2020, chưa có thông tin nhập cảnh.

Anh Đinh Văn Q ủy quyền cho bà Phạm Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đinh Gia L và Đinh Gia B trong thời gian anh không ở Việt Nam và hiện cháu Bảo và cháu Long đang ở cùng với bà Mý nên Tòa án xác định bà Mý là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và bà Mý đề nghị không đưa ông Đinh Văn Khích chồng bà vào tham gia tố tụng nên Tòa án không xác định tư cách tham gia tố tụng đối với ông Khích.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đề nghị gia đình anh Quý cung cấp địa chỉ của anh Quý nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh Quý cung cấp, anh Quý đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng không có địa chỉ cụ thể. Anh Quý vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại với hình thức gọi zalo. Bà Mý là mẹ đẻ anh Quý đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Quý biết thông tin liên quan đến nội dung vụ kiện xin ly hôn của chị Tuyết. Tòa án cũng đã tiến hành giao, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Quý vẫn vắng mặt. Chị Tuyết, bà Mý đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc cũ nay là xã Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng vào ngày 14/10/2010 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau, không quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng, anh chị đã sống ly thân. Thông qua gia đình, anh Quý cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con theo yêu cầu của chị Tuyết. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tuyết, anh Quý đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Tuyết ly hôn anh Quý là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình sống chung, anh chị có hai con chung Đinh Gia L, sinh ngày 26/8/2011 và Đinh Gia B, sinh ngày 11/11/2014. Từ khi anh chị đi xuất khẩu lao động đến nay, cháu Long và cháu Bảo được bà Mý (mẹ anh Quý) chăm sóc, nuôi dưỡng. Để ổn định cuộc sống cho các cháu, khi ly hôn chị Tuyết đồng ý để anh Quý nuôi con Long và Bảo, chị Tuyết tự nguyện cấp dưỡng

nuôi con Đinh Gia B với số tiền là 3.000.000 đồng/ 1 tháng. Thông qua gia đình, anh Quý cũng có quan điểm được nuôi con Long và Bảo. Xét thấy, hiện tại anh Quý, chị Tuyết đều đang ở nước ngoài, cháu Long và cháu Bảo đang được bà nội là bà Phạm Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc khác, cháu Long, cháu Bảo đều có nguyện vọng được ở với anh Quý và bà Mý; bà Mý cũng đồng ý nuôi con giúp anh Quý trong thời gian anh không ở Việt Nam. Do vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, cần giao cháu Long và cháu Bảo cho anh Quý chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Quý không ở Việt Nam, bà Phạm Thị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Long và cháu Bảo. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tuyết cấp dưỡng nuôi con Đinh Gia B với số tiền là 3000.000 đồng/ 1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2026 đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi. Anh Quý không yêu cầu chị Tuyết cấp dưỡng nuôi con Đinh Gia L.

[2.3] Tài sản chung: Chị Tuyết xác định không có, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí Dân sự (về Hôn nhân gia đình) sơ thẩm.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 - Sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; 273; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1.*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Đinh Văn Q.

2. Về con chung: Giao con hai con là Đinh Gia L, sinh ngày 26/8/2011 và Đinh Gia B, sinh ngày 11/11/2014 cho anh Đinh Văn Q chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Tạm giao cho bà Phạm Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Long, cháu Bảo trong thời gian anh Quý không ở Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tuyết, cấp dưỡng nuôi con Đinh Gia B với số tiền là 3.000.000đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2026 đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi. Anh Quý không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con Đinh Gia L. Chị Tuyết có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Quý có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Tuyết chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo

thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự Hôn nhân&Gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp, theo biên lai thu số 0006090 ngày 10/11/2025 của Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Tuyết còn phải nộp là 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Đinh Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bà Phạm Thị M có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND Khu vực 11 - Hải Phòng*
- *Phòng THADS khu vực 11 - Hải Phòng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Yết Kiêu, TP Hải Phòng; nơi ĐKKH để ghi vào sổ hộ tịch; ĐKHK số 58, quyển số 01 ngày 14/10/2010;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Cẩm Vân